

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 7 - 2019

“V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Chu Giảng và ông Ngô Văn Nghị.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Cù Quan V, sinh năm 1994 (có mặt).

Trú tại: Xóm Y, Thôn X, xã B, huyện T, Bình Định.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng V1, sinh năm 1994 (có mặt).

Trú tại: Xóm Y, Thôn X, xã B, huyện T, Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn) bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là anh Cù Quan V bày: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng V1 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau được hai bên gia đình chấp nhận tiến hành tổ chức đám cưới theo phong tục vào ngày 21/10/2018. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã B ngày 22/01/2019.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Lý do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, chị V1 tự ý sử dụng tài sản chung vợ chồng (vàng) mà không hỏi ý kiến anh rồi còn gian dối mua vàng giả thay thế; đến tháng 02/2019 vợ chồng cắt

đứt quan hệ phần ai nấy sống. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương gì nữa anh Cù Quan V yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng V1.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ nần chung: Vợ chồng có 16 chỉ vàng 24K (vàng cưới: bên gia đình anh đi cưới 10 chỉ, tại đám cưới họ nhà trai cho 03 chỉ, họ nhà gái cho 03 chỉ), hiện do anh đang quản lý. Vợ chồng không nợ nần ai, cũng không ai nợ nần vợ chồng. Trong quá trình điều tra thì anh thống nhất thôi lại cho chị Vân 08 chỉ vàng 24K. Nhưng tại phiên tòa anh V thay đổi yêu cầu, không đồng ý chia 2 theo quy định mà nại rằng phần bên nào cho thì bên đó được nhận, tức là bên nhà gái (bên chị V1) cho 03 chỉ vàng 24K nên nay anh chỉ đồng ý trả lại chị V1 03 chỉ vàng 24K, số còn lại là thuộc sở hữu của anh.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng V1 trình bày: chị thống nhất với anh Cù Quan V trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian chung sống với nhau. Vì vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau đến tháng 02/2019 thì cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương gì nữa, anh Yêu cầu ly hôn, chị cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ nần chung: Vợ chồng có 16 chỉ vàng 24K (vàng cưới) hiện do anh V đang quản lý. Khi ly hôn chị yêu cầu anh V thôi lại cho chị 08 chỉ vàng 24K, chị V1 yêu cầu anh V trả 08 chỉ vàng 24K một lần, chị không đồng ý với yêu cầu của anh V là: chỉ đồng ý trả lại chị 03 chỉ vàng 24K, số còn lại là thuộc sở hữu của anh V. Vợ chồng không nợ nần ai, cũng không ai nợ nần vợ chồng.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng các Điều 8, 9, 55, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Cù Quan V: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh V và chị V1; về con chung: chưa có con chung, các bên không có yêu cầu gì nên miễn xét; về tài sản chung: các bên thống nhất tài sản chung hiện do anh V đang quản lý là 16 chỉ vàng 24K khi ly hôn bị đơn yêu cầu chia đôi số vàng trên. Nên cần buộc anh V thôi lại cho chị V1 08 chỉ vàng 24K; bác yêu cầu của anh V về việc chỉ chấp nhận giao trả chị V1 03 chỉ vàng 24K; về án phí: theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Cù Quan V và chị Nguyễn Thị Hồng V1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 22/01/2019 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau trong việc chi tiêu, sử dụng tài sản chung; dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, kinh cãi; mâu thuẫn không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng, hạnh phúc không còn. Vợ chồng đã cắt đứt quan hệ với nhau từ tháng 02/2019 cho đến nay. Nay anh V xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn và chị V1 cũng đồng ý. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên, phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng có 16 (mười sáu) chỉ vàng 24K hiện do anh V đang quản lý, vợ chồng không có khoản nợ chung nào. Đây là tình tiết các bên đều công nhận nên căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự không cần phải chứng minh.

Trong quá trình điều tra thì anh V thống nhất thôi lại cho chị V1 08 chỉ vàng 24K nhưng hẹn khi nào đi làm có tiền mới trả. Nhưng tại phiên tòa anh V thay đổi yêu cầu, không đồng ý chia 2 theo quy định mà nại rằng phần bên nào cho thì bên đó được nhận, tức là bên nhà gái (bên chị V1) cho 03 chỉ vàng 24K nên nay anh chỉ đồng ý trả lại chị V1 03 chỉ vàng 24K, số còn lại là thuộc sở hữu của anh. Chị V1 không đồng ý mà yêu cầu anh V phải giao ngay một lần cho chị 08 chỉ vàng 24K.

Yêu cầu của chị V1 là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận, do đó, cần buộc anh Cù Quan V có trách nhiệm giao lại chị Nguyễn Thị Hồng V1 08 (tám) chỉ vàng 24K. Phần anh V được sở hữu là 08 chỉ vàng 24K hiện do anh V đang quản lý. Yêu cầu của anh V do chị Vân không đồng ý và không phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX không chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì:

+ Án phí ly hôn: Anh Cù Quan V phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào khoản tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0009399 ngày 12/4/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn thu.

+ Án phí chia tài sản: Anh Cù Quan V, chị Nguyễn Thị Hồng V1 mỗi người phải chịu án phí là 5% giá trị tài sản được chia (giá vàng tại thời điểm xét xử: 3.780.000đ/chỉ), theo đó cần buộc anh V và chị V1 mỗi người phải chịu: $08 \times 3.780.000đ \times 5\% = 1.512.000đ$ (*Một triệu năm trăm mười hai nghìn đồng*); phần anh V được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp trước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 55, 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Cù Quan V, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Cù Quan V và chị Nguyễn Thị Hồng V1.

- Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên miễn xét.

- Về tài sản chung: Anh Cù Quan V có trách nhiệm giao lại chị Nguyễn Thị Hồng V1 08 (tám) chỉ vàng 24K - về phần tài sản chung chị V1 được chia. Anh Cù Quan V được sở hữu 08 (tám) chỉ vàng 24K - về phần tài sản chung anh được nhận (vàng hiện anh V đang quản lý).

2/ Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Anh Cù Quan V phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào khoản tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0009399 ngày 12/4/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn thu.

- Án phí chia tài sản:

+ Anh Cù Quan V phải chịu 1.512.000đ (*Một triệu năm trăm mười hai nghìn đồng*) - nhưng được khấu trừ vào khoản tiền 1.536.000đ (*Một triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng*) - tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp trước theo biên lai số 0006343 ngày 24/7/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn thu; Hoàn trả lại cho anh Vũ số tiền chênh lệch là 24.000đ (*Hai mươi bốn nghìn đồng*).

+ Chị Nguyễn Thị Hồng V1 phải chịu 1.512.000đ (Một triệu năm trăm mười hai nghìn đồng).

Báo cho các bên đương sự biết cơ quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Nghi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Giang Nam